

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 959/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1019/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M (M); ĐKKHKT: Số 41/97/201 Trần Nguyên H, Quận Lê C, TP. H; nơi ở: Số 9 đường Liên Ph khu đô thị Cự V, phường Quán Tr, quận K, TP. H; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Xuân Tr; ĐKKHKT: Số 41/97/201 Trần Nguyên H, Quận Lê C, TP. H; nơi ở: Số 9 đường Liên Ph khu đô thị Cự V, phường Quán T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2020, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr có đăng ký kết hôn ngày 25/01/1999 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Ph. Trước khi kết hôn chị M, anh Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, hơn nữa anh Tr thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô sát; mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay, đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Nay vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Miên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr có 02 con chung là Bùi Quốc Kh, sinh ngày 31/8/2000 và Bùi Trà M, sinh ngày 21/10/2016. Con Bùi Quốc Kh đã đến tuổi trưởng thành nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con Bùi Quốc Kh. Chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Tr đến khi con trưởng thành vì hiện nay con Bùi Trà M còn nhỏ, lại là con gái, anh Tr đi làm xa một tuần mới về nhà một lần không có điều kiện để chăm sóc, giáo dục con. Hiện chị M đang làm việc tại Công ty Cổ phần đầu tư Xây lắp điện H, mức lương trung bình là trên 7.000.000 đồng, ngoài ra chị M còn làm thêm tại Công ty TNHH Công nghệ xử lý nước sạch H, chị M khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Tại bản tự trình bày ngày 05/6/2020 của cháu Bùi Quốc Kh là con của chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr trình bày: Từ năm 2016 đến nay anh Bùi Xuân Tr thường xuyên vắng nhà không rõ lý do; anh Tr thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình, vợ, con; Chị M và anh Tr thường xuyên cãi vã và xô sát. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần khuyên can nhưng không cải thiện được. Cháu Bùi Quốc Kh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị M và anh Tr theo đúng pháp luật để gia đình được bình yên, cuộc sống và học tập của các cháu không bị ảnh hưởng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Bùi Xuân Tr đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Tr, không tiến hành hòa giải được và anh Tr cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản xác minh, địa phương đã cung cấp: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr có đăng ký kết hôn. Hiện anh Tr và chị M đang sinh sống tại đường Liên Ph, phường Qu, quận K, thành phố Hải Ph. Quá trình chung sống anh Tr và chị M có xảy ra mâu thuẫn, do anh Tr và chị M là người sống khép kín, ít giao lưu với người xung quanh nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của anh Tr và chị M. Việc chị M xin ly hôn anh Tr địa phương không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Anh Tr và chị M có 02 con chung là Bùi Quốc Kh, sinh ngày 31/8/2000 và Bùi Trà M, sinh ngày 21/10/2016. Về tài sản chung: Địa phương không nắm được anh Tr, chị M có tài sản chung gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Xuân Tr. Về con chung: Con Bùi Quốc Kh đã đến tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con khi ly hôn. Giao con chung là Bùi Trà M cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 03 tháng 6 năm 2020 chị Nguyễn Thị M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân Tr; bị đơn là anh Bùi Xuân Tr cư trú tại quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Bùi Xuân Tr không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Bùi Xuân Tr.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr đăng ký kết hôn ngày 25/01/1999 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã kéo dài từ năm 2016 đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr để giải quyết việc chị M có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh Tr đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị M và anh Tr không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn Bùi Xuân Tr. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr có 02 con chung là Bùi Quốc Kh, sinh ngày 31/8/2000 và Bùi Trà M, sinh ngày 21/10/2016. Đối với con chung là Bùi Trà M: Chị Miền xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Trà M, chị M đã cung cấp các tài liệu thể hiện công việc và thu nhập hiện nay của chị M; anh Tr đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Tr đều không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh Tr, trong quá trình giải quyết vụ án anh Tr cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với việc nuôi dưỡng con chung; căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện sinh sống của chị M nên giao con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 21/10/2016 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, phù hợp pháp luật. Đối với con Bùi Quốc Kh: Cháu Bùi Quốc Kh đã đến tuổi trưởng thành, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng đối với con Bùi Quốc Kh khi chị M và anh Tr ly hôn.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Xuân Tr có hai con chung là Bùi Quốc Kh, sinh ngày 31/8/2000 và Bùi Trà M, sinh ngày 21/10/2016. Giao con chung là Bùi Trà M cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con Bùi Quốc Kh đã đến tuổi trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng đối với con Bùi Quốc Kh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Xuân T có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007685 ngày 05/6/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H; chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Bùi Xuân Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường B, K, HP.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Hương

